

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ**
Số: **23** /2025/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Quảng Trị, ngày **25** tháng **3** năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành quy định về quản lý chất thải trên địa bàn tỉnh Quảng Trị

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

- Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/02/2025;*
Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;
Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;
Căn cứ Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;
Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;
Căn cứ Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;
Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về quản lý chất thải trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày **25** tháng **3** năm 2025.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / . *th*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ NN&MT; Vụ Pháp chế Bộ NN&MT;
- Cục KTVB và QLXLVPHC-Bộ Tư pháp;
- Quyền Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp (tự kiểm tra văn bản);
- Công thông tin điện tử tỉnh (đăng công báo);
- Lưu: VT, KT(Th).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
Q. CHỦ TỊCH**



Hà Sỹ Đồng



**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Quản lý chất thải trên địa bàn tỉnh Quảng Trị
(Kèm theo Quyết định số: **23** /2025/QĐ-UBND ngày **25** tháng **3** năm 2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định việc quản lý chất thải trên địa bàn tỉnh Quảng Trị. Những nội dung không được quy định trong văn bản này thì thực hiện theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trong nước và tổ chức, cá nhân nước ngoài (sau đây viết tắt là tổ chức, cá nhân) có hoạt động liên quan đến việc quản lý chất thải trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Hoạt động quản lý chất thải là các hoạt động kiểm soát chất thải trong suốt quá trình từ phát sinh, phân loại đến thu gom, vận chuyển, lưu giữ tạm thời, tái chế, xử lý hoặc tái sử dụng nhằm ngăn ngừa, giảm thiểu những tác động có hại đối với môi trường và sức khỏe con người.
2. Chất thải rắn công nghiệp thông thường là chất thải rắn phát sinh từ hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ không thuộc danh mục chất thải nguy hại và không thuộc danh mục chất thải rắn công nghiệp phải kiểm soát có yếu tố nguy hại vượt ngưỡng chất thải nguy hại.
3. Chất thải y tế là chất thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở y tế, bao gồm chất thải y tế nguy hại, chất thải rắn thông thường, khí thải, chất thải lỏng không nguy hại và nước thải y tế.
4. Chất thải rắn xây dựng là chất thải rắn phát sinh trong quá trình khảo sát, thi công xây dựng công trình (bao gồm công trình xây dựng mới, sửa chữa, cải tạo, di dời, tu bổ, phục hồi, phá dỡ).
5. Chủ nguồn thải chất thải rắn xây dựng là chủ đầu tư (bao gồm các hộ gia đình) hoặc nhà thầu chính thi công xây dựng công trình (được chủ đầu tư ủy quyền thông qua hợp đồng) có phát sinh chất thải rắn xây dựng.

6. Chủ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn xây dựng là các tổ chức, cá nhân thực hiện thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn xây dựng.

7. Cơ sở xử lý chất thải rắn xây dựng là cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải rắn xây dựng (có thể bao gồm cả hoạt động tái chế, tái sử dụng hoặc chôn lấp).

Điều 3. Nguyên tắc quản lý chất thải

1. Chất thải phát sinh phải được quản lý đáp ứng yêu cầu quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều 72 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Tổ chức, cá nhân có trách nhiệm tăng cường áp dụng các biện pháp về tiết kiệm tài nguyên và năng lượng; sử dụng tài nguyên, năng lượng tái tạo và sản phẩm, nguyên liệu, năng lượng sạch thân thiện với môi trường; từng bước phân loại chất thải tại nguồn nhằm mục đích tăng cường tái sử dụng, tái chế, đồng xử lý, xử lý và thu hồi năng lượng và biện pháp khác để phòng ngừa, giảm thiểu phát sinh chất thải.

3. Khuyến khích việc xã hội hóa công tác thu gom, vận chuyển, tái sử dụng, tái chế, xử lý và thu hồi năng lượng từ chất thải; việc đầu tư mới các cơ sở xử lý chất thải trên địa bàn tỉnh theo hướng tái sử dụng, tái chế, đồng xử lý, xử lý thu hồi năng lượng, hạn chế và giảm dần tỷ lệ chôn lấp chất thải.

4. Tổ chức, cá nhân phát sinh chất thải có trách nhiệm nộp phí, giá dịch vụ cho hoạt động thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải theo quy định của pháp luật; tổ chức, cá nhân vận chuyển chất thải có trách nhiệm vận chuyển chất thải đến cơ sở có chức năng, giấy phép môi trường phù hợp hoặc chuyển giao cho tổ chức, cá nhân vận chuyển khác để vận chuyển đến cơ sở có chức năng, giấy phép môi trường phù hợp.

5. Khuyến khích cộng đồng dân cư tham gia giám sát việc thực hiện các quy định quản lý chất thải trên địa bàn.

Chương II

QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI

Điều 4. Quản lý chất thải rắn công nghiệp thông thường

1. Việc phân loại, lưu giữ, vận chuyển và xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường; trách nhiệm chủ nguồn thải chất thải rắn công nghiệp thông thường, chủ thu gom, vận chuyển chất thải rắn công nghiệp thông thường và chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường; các yêu cầu kỹ thuật về bảo vệ môi trường của thiết bị, dụng cụ lưu chứa, kho hoặc khu vực lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường và phương tiện vận chuyển chất thải rắn công nghiệp thông thường thực hiện theo các quy định của Luật Bảo vệ môi trường và quy định liên quan.

2. Khuyến khích, ưu tiên phân loại, tái chế, tái sử dụng, giảm thiểu chất thải rắn công nghiệp thông thường.

3. Nghiêm cấm các hành vi chuyên giao, đổ thải chất thải rắn công nghiệp thông thường vào các điểm tập kết, trạm trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt.

4. Tuyến đường, thời gian hoạt động của phương tiện vận chuyển chất thải rắn công nghiệp thông thường thực hiện theo quy định riêng của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị về việc ban hành quy định tuyến đường và thời gian hoạt động đối với phương tiện vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt, phương tiện vận chuyển chất thải rắn công nghiệp thông thường phải xử lý, phương tiện vận chuyển chất thải nguy hại trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

Điều 5. Quản lý chất thải nguy hại

1. Việc khai báo, phân loại, thu gom, lưu giữ, vận chuyển chất thải nguy hại; trách nhiệm chủ nguồn thải chất thải nguy hại và trách nhiệm chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại; các yêu cầu kỹ thuật về bảo vệ môi trường đối với bao bì, thiết bị lưu chứa, khu vực lưu giữ chất thải nguy hại và phương tiện vận chuyển chất thải nguy hại thực hiện theo các quy định của Luật Bảo vệ môi trường và quy định liên quan.

2. Nghiêm cấm các hành vi chuyên giao, đổ thải chất thải nguy hại vào các điểm tập kết, trạm trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn công nghiệp thông thường.

3. Tuyến đường, thời gian hoạt động của phương tiện vận chuyển chất thải nguy hại thực hiện theo quy định riêng của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị.

Điều 6. Quản lý chất thải rắn sinh hoạt và chất thải y tế

1. Chất thải rắn sinh hoạt được quản lý theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác liên quan; chất thải rắn sinh hoạt hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn tỉnh được quản lý theo quy định riêng của Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Chất thải y tế được quản lý theo Thông tư số 20/2021/TT-BYT ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về quản lý chất thải y tế trong phạm vi khuôn viên cơ sở y tế và quy định riêng của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị về thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải y tế nguy hại và chất thải rắn y tế thông thường trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

Điều 7. Quản lý nước thải

1. Việc quản lý nước thải phải đáp ứng các yêu cầu quy định tại khoản 2 Điều 72 Luật Bảo vệ môi trường, Điều 57 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và khoản 24 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2. Nước thải phải được quản lý, kiểm soát và quan trắc theo quy định tại Điều 86 Luật Bảo vệ môi trường, Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và khoản 46 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP.

3. Công trình, thiết bị xử lý nước thải tại chỗ đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ quy mô hộ gia đình, cá nhân thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 41 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

4. Các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; các tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến phát thải nước thải vào môi trường có trách nhiệm thu gom, xử lý nước thải đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường trước khi xả ra nguồn tiếp nhận.

Điều 8. Quản lý bụi, khí thải và các chất ô nhiễm khác

1. Bụi, khí thải được quản lý, kiểm soát và quan trắc theo quy định tại khoản 3 Điều 72, Điều 88 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Căn cứ vào đặc điểm, tính chất, lưu lượng khí thải phát sinh từ hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ quy mô hộ gia đình, cá nhân, công trình, thiết bị xử lý khí thải phải có chụp hút, thiết bị bảo đảm thu gom, xử lý khí thải phát sinh trước khi thải ra ngoài môi trường qua ống thải.

3. Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn tỉnh có phát thải bụi, khí thải vào môi trường có trách nhiệm áp dụng các biện pháp giảm thiểu, thu gom, và xử lý bụi, khí thải đạt quy chuẩn kỹ thuật trước khi thải vào môi trường.

4. Việc quản lý và kiểm soát tiếng ồn, độ rung, ánh sáng, bức xạ, mùi khó chịu thực hiện theo quy định tại Điều 89 của Luật Bảo vệ môi trường.

Chương III

QUẢN LÝ CHẤT THẢI RẮN XÂY DỰNG

Điều 9. Phân loại chất thải rắn xây dựng

1. Chất thải rắn xây dựng phải được phân loại ngay tại nơi phát sinh thành các loại sau đây:

- a) Chất thải rắn có khả năng tái chế được;
- b) Chất thải rắn có thể được tái sử dụng ngay trên công trường hoặc tái sử dụng ở các công trường xây dựng khác;
- c) Chất thải không tái chế, tái sử dụng được và phải đem đi chôn lấp;
- d) Chất thải nguy hại được phân loại riêng và quản lý theo quy định tại các Điều 83, 84, 85 Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản pháp luật hướng dẫn về quản lý chất thải nguy hại.

2. Chất thải rắn xây dựng sau khi phân loại không được để lẫn với các chất thải khác và phải được lưu giữ riêng theo quy định.

3. Trong trường hợp chất thải rắn xây dựng thông thường có lẫn với chất thải nguy hại thì phải thực hiện việc phân tách phần chất thải nguy hại. Nếu không thể tách được thì toàn bộ hỗn hợp phải được quản lý như chất thải nguy hại.

Điều 10. Thu gom, lưu giữ chất thải rắn xây dựng là chất thải rắn công nghiệp thông thường

1. Khi tiến hành thi công xây dựng công trình, chủ nguồn thải phải bố trí thiết bị hoặc khu vực lưu giữ chất thải rắn xây dựng trong khuôn viên công trường hoặc tại địa điểm theo quy định của chính quyền địa phương.

2. Chất thải rắn xây dựng phải được thu gom, lưu chứa trong các thiết bị, dụng cụ lưu chứa, khu vực lưu giữ đảm bảo theo quy định tại các khoản 1, 3, 4 Điều 33 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

3. Thiết bị, khu vực lưu giữ chất thải rắn xây dựng phải đảm bảo không gây cản trở giao thông của khu vực và đảm bảo mỹ quan đô thị; phải ghi hoặc dán nhãn thông tin về loại chất thải rắn xây dựng.

4. Thời gian lưu giữ chất thải rắn xây dựng phù hợp theo đặc tính của loại chất thải và quy mô, khả năng lưu chứa của thiết bị, địa điểm lưu giữ.

5. Các loại chất thải rắn xây dựng đã được phân loại phải thu gom, lưu chứa trong các thiết bị hoặc khu vực lưu giữ riêng, không để lẫn chất thải nguy hại với chất thải rắn công nghiệp thông thường.

Điều 11. Vận chuyển chất thải rắn xây dựng là chất thải rắn công nghiệp thông thường

1. Chất thải rắn xây dựng phải được vận chuyển đến địa điểm đổ thải theo quy hoạch của UBND tỉnh phê duyệt hoặc cơ sở tái chế, công trình khác để tái chế, tái sử dụng hoặc được vận chuyển đến các cơ sở xử lý chất thải rắn xây dựng.

2. Các phương tiện vận chuyển chất thải rắn xây dựng đáp ứng các yêu cầu về an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật về giao thông vận tải; đảm bảo các quy định về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô theo quy định. Các phương tiện vận chuyển chất thải rắn xây dựng phải lắp đặt thiết bị định vị để quản lý dữ liệu về tuyến đường, thời gian theo quy định.

3. Phương tiện vận chuyển chất thải rắn xây dựng phải có lắp đặt các thiết bị lưu giữ chất thải hoặc lưu chứa trực tiếp trên phương tiện. Thiết bị lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường được lắp cố định hoặc có thể tháo rời trên phương tiện vận chuyển và phải đáp ứng các yêu cầu quy định tại khoản 1 Điều 33 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

4. Xe tải thùng hở phải phủ bạt kín che nắng, mưa trong quá trình thu gom, lưu chứa, vận chuyển chất thải rắn xây dựng.

5. Phương tiện vận chuyển chất thải rắn xây dựng đang hoạt động phải có dòng chữ “VẬN CHUYỂN CHẤT THẢI” ở hai bên thành của phương tiện với chiều cao ít nhất là 15 cm, kèm theo tên cơ sở, địa chỉ, số điện thoại liên hệ.

6. Trong quá trình vận chuyển, phương tiện vận chuyển phải đảm bảo không làm rò rỉ, rơi vãi chất thải, gây phát tán bụi, mùi, tuân thủ đúng quy định

về an toàn giao thông tại địa phương. Trường hợp, chất thải đặc thù có khối lượng lớn phải chứa, đựng trực tiếp bằng các thiết bị, thùng chứa của phương tiện vận chuyển.

7. Việc vận chuyển chất thải rắn xây dựng phải tuân thủ đúng thời gian và lộ trình về tuyến đường, an toàn giao thông và các quy định của cơ quan có thẩm quyền về phân luồng giao thông tại địa phương.

8. Chất thải từ hoạt động cải tạo, phá dỡ công trình xây dựng của hộ gia đình, cá nhân tại đô thị phải được thu gom và chuyển giao cho cơ sở có chức năng xử lý theo Quy định này, trừ trường hợp thực hiện theo quy định tại điểm d và điểm đ khoản 5 Điều 64 của Luật Bảo vệ môi trường.

9. Chất thải từ hoạt động cải tạo hoặc phá dỡ công trình xây dựng của hộ gia đình, cá nhân tại vùng nông thôn chưa có hệ thống thu gom, xử lý chất thải phải được tái sử dụng hoặc vận chuyển đến địa điểm đổ thải theo quy hoạch được UBND tỉnh phê duyệt; không được đổ chất thải ra đường, sông ngòi, suối, kênh rạch và nguồn nước mặt khác làm ảnh hưởng đến cảnh quan, môi trường.

Điều 12. Tái sử dụng, tái chế chất thải rắn xây dựng là chất thải rắn công nghiệp thông thường

1. Các loại chất thải rắn xây dựng được tái chế, tái sử dụng theo các mục đích sau:

- a) Chất thải rắn xây dựng được tái sử dụng, tái chế làm nguyên liệu sản xuất;
- b) Chất thải rắn xây dựng đáp ứng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, hướng dẫn kỹ thuật được sử dụng trong sản xuất vật liệu xây dựng và san lấp mặt bằng;
- c) Đất, bùn thải từ hoạt động đào đất, nạo vét lớp đất mặt, đào móng cọc được sử dụng để bồi đắp cho đất trồng cây hoặc các khu vực đất phù hợp.

2. Khuyến khích tái chế, tái sử dụng chất thải rắn xây dựng ngay tại công trường hoặc chuyển giao chất thải rắn xây dựng cho các cơ sở, công trình khác, cơ sở xử lý chất thải rắn xây dựng để tái sử dụng, tái chế chất thải rắn xây dựng với quy trình, công nghệ phù hợp, đảm bảo các yêu cầu về an toàn, môi trường theo quy định tại Điều 82 của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 13. Xử lý chất thải rắn xây dựng là chất thải rắn công nghiệp thông thường

1. Chất thải rắn xây dựng phải tái sử dụng, tái chế, thu hồi năng lượng và xử lý hoặc chuyển giao cho các đối tượng sau đây:

- a) Cơ sở sản xuất sử dụng trực tiếp làm nguyên liệu sản xuất, sản xuất vật liệu xây dựng hoặc san lấp mặt bằng được phép hoạt động theo quy định của pháp luật;
- b) Cơ sở sản xuất có chức năng đồng xử lý chất thải phù hợp;
- c) Cơ sở xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường có chức năng phù hợp;

d) Cơ sở vận chuyển chất thải rắn công nghiệp thông thường đã có hợp đồng chuyển giao với đối tượng quy định tại các điểm a, b hoặc c khoản này.

2. Khuyến khích việc xử lý chất thải rắn xây dựng tại nơi phát sinh với quy trình, công nghệ phù hợp, đảm bảo các yêu cầu về an toàn, môi trường.

3. Công nghệ xử lý chất thải rắn xây dựng bao gồm.

- a) Nghiền, sàng;
- b) Sản xuất vật liệu xây dựng;
- c) Chôn lấp;
- d) Các công nghệ khác.

4. Công nghệ xử lý chất thải rắn xây dựng phải phù hợp với quy mô, công suất và điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương, đảm bảo các yêu cầu về bảo vệ môi trường và hiệu quả kinh tế xã hội.

5. Việc lựa chọn chủ đầu tư xây dựng cơ sở xử lý chất thải rắn xây dựng phải tuân thủ quy định của pháp luật về đầu tư, xây dựng và các quy định của pháp luật hiện hành có liên quan.

Điều 14. Đầu tư xây dựng cơ sở xử lý chất thải rắn xây dựng

1. Khuyến khích mọi tổ chức, cá nhân đầu tư vào hoạt động thu gom phân loại, vận chuyển, xử lý chất thải rắn xây dựng với mọi hình thức đầu tư theo quy định.

2. Dự án đầu tư xây dựng các cơ sở xử lý chất thải rắn xây dựng được hưởng ưu đãi theo các quy định về ưu đãi, hỗ trợ theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và các ưu đãi khác theo quy định của pháp luật hiện hành có liên quan.

Điều 15. Trách nhiệm của các bên liên quan

1. Đối với chủ nguồn thải chất thải rắn xây dựng.

a) Thực hiện việc thu gom, lưu giữ, vận chuyển, xử lý chất thải rắn xây dựng hoặc ký hợp đồng với chủ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn xây dựng theo Quy định này và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan;

b) Bố trí cán bộ chuyên trách hoặc kiêm nhiệm về an toàn và vệ sinh lao động theo quy định của pháp luật về môi trường, xây dựng để hướng dẫn, kiểm tra việc quản lý chất thải rắn xây dựng trong công trình xây dựng (không bao gồm công trình nhà ở riêng lẻ). Ghi chép nhật ký, lưu giữ chứng từ ghi khối lượng, thành phần chất thải rắn xây dựng được thu gom, vận chuyển đến cơ sở xử lý;

c) Chi trả phí dịch vụ theo hợp đồng giữa chủ nguồn thải chất thải rắn xây dựng và chủ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn xây dựng;

d) Sử dụng biên bản bàn giao chất thải rắn xây dựng theo mẫu số 3 Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT khi chuyển giao chất thải rắn xây dựng giữa chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển (nếu có) và chủ cơ sở xử lý (nơi thực hiện tái sử dụng, tái chế hoặc tiêu hủy chất thải);

đ) Tổ chức, cá nhân phát sinh chất thải rắn xây dựng phải xử lý được tự tái chế, xử lý, đồng xử lý, thu hồi năng lượng khi đáp ứng các yêu cầu sau: thực hiện bằng công nghệ, công trình bảo vệ môi trường, thiết bị sản xuất sẵn có trong khuôn viên cơ sở phát sinh chất thải rắn công nghiệp thông thường và phải bảo đảm đạt yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định; phải phù hợp với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, giấy phép môi trường, đăng ký môi trường của dự án đầu tư, cơ sở; không đầu tư mới lò đốt và bãi chôn lấp để xử lý chất thải rắn xây dựng, trừ trường hợp phù hợp với nội dung quản lý chất thải rắn trong các quy hoạch có liên quan;

e) Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

2. Đối với chủ thu gom, vận chuyển chất thải rắn xây dựng:

a) Có đủ thiết bị, phương tiện thực hiện thu gom, vận chuyển theo quy định tại các khoản 2, 3, 4, 5 Điều 11 Quy định này và các quy định khác có liên quan;

b) Thu gom, vận chuyển chất thải rắn xây dựng đến địa điểm đổ thải hoặc cơ sở xử lý đáp ứng yêu cầu kỹ thuật và quy trình quản lý theo quy định hoặc công trình khác để tái sử dụng. Chịu trách nhiệm khi có sự cố xảy ra trong quá trình thu gom, vận chuyển;

c) Có sổ theo dõi quản lý việc thu gom, vận chuyển chất thải rắn xây dựng;

d) Sử dụng biên bản bàn giao chất thải rắn xây dựng theo mẫu số 3 Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT khi chuyển giao chất thải rắn xây dựng giữa chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển (nếu có) và chủ cơ sở xử lý (nơi thực hiện tái sử dụng, tái chế hoặc tiêu hủy chất thải);

đ) Báo cáo định kỳ công tác thu gom, vận chuyển chất thải rắn xây dựng được tích hợp trong báo cáo công tác bảo vệ môi trường theo quy định tại Điều 66 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 19 Điều 1 Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường gửi về Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã trước ngày 15 tháng 01 của năm tiếp theo hoặc báo cáo đột xuất theo yêu cầu;

e) Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

3. Đối với chủ cơ sở xử lý chất thải rắn xây dựng:

a) Bảo đảm các hệ thống, phương tiện, thiết bị, lưu giữ, xử lý chất thải rắn xây dựng bao gồm sơ chế, tái sử dụng, tái chế, đồng xử lý, xử lý và thu hồi năng lượng chất thải rắn xây dựng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật, quy trình quản lý theo quy định; bố trí nhân lực đáp ứng năng lực tiếp nhận chất thải rắn xây dựng, đảm bảo các yêu cầu bảo vệ môi trường theo quy định. Trường hợp có phát sinh chất thải nguy hại từ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải rắn xây dựng thì phải thực hiện trách nhiệm của chủ nguồn thải chất thải nguy hại theo quy định;

b) Tiếp nhận và xử lý chất thải rắn xây dựng từ các chủ thu gom, vận chuyển trên cơ sở hợp đồng ký kết với chủ nguồn thải. Sử dụng biên bản bàn giao chất thải rắn xây dựng phải xử lý đối với mỗi lần nhận chuyển giao theo mẫu số 03 phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT; lập nhật ký vận hành các hệ thống, phương tiện, thiết bị xử lý bao gồm sơ chế, tái sử dụng, tái chế, đồng xử lý, thu hồi năng lượng chất thải rắn xây dựng; sổ theo dõi số lượng các sản phẩm tái chế hoặc thu hồi từ chất thải rắn xây dựng (nếu có);

c) Có sổ theo dõi hoạt động xử lý chất thải rắn xây dựng;

d) Thực hiện đúng quy trình quản lý vận hành cơ sở xử lý; có các biện pháp an toàn lao động trong vận hành và bảo đảm sức khỏe cho người lao động;

đ) Thực hiện các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Khi phát hiện sự cố môi trường, phải có trách nhiệm thực hiện các biện pháp khẩn cấp để bảo đảm an toàn cho người và tài sản; tổ chức cứu người, tài sản và kịp thời thông báo cho chủ đầu tư, chính quyền địa phương hoặc cơ quan chuyên môn về bảo vệ môi trường nơi xảy ra ô nhiễm hoặc sự cố môi trường để phối hợp xử lý;

e) Lập các báo cáo sau: Báo cáo công tác xử lý chất thải rắn xây dựng được tích hợp trong báo cáo công tác bảo vệ môi trường theo quy định tại Điều 66 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 19 Điều 1 Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT gửi về Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã trước ngày 15 tháng 01 của năm tiếp theo; Báo cáo đột xuất về tình hình xử lý chất thải rắn xây dựng theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;

f) Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG IV

QUẢN LÝ MỘT SỐ LOẠI CHẤT THẢI ĐẶC THÙ KHÁC

Điều 16. Quản lý bùn thải từ bể phốt, hầm cầu và bùn thải từ hệ thống thoát nước

1. Quản lý bùn thải từ bể phốt, hầm cầu:

a) Bùn thải từ bể phốt, hầm cầu các hộ gia đình, cơ quan hành chính, các cơ sở sản xuất, kinh doanh dịch vụ phải được hút định kỳ;

b) Việc thông hút, vận chuyển bùn thải từ bể phốt, hầm cầu phải bằng các phương tiện, thiết bị chuyên dụng đảm bảo yêu cầu kỹ thuật và bảo vệ môi trường;

c) Bùn thải từ bể phốt, hầm cầu phải được thu gom, vận chuyển đến cơ sở xử lý được đầu tư xây dựng theo quy hoạch xây dựng được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc các địa điểm đã được Ủy ban nhân dân tỉnh cho phép để xử lý;

d) Chi phí thông hút, vận chuyển và xử lý bùn thải từ bể phốt, hầm cầu do các chủ hộ gia đình, cơ quan hành chính và các cơ sở sản xuất, kinh doanh dịch vụ chi trả theo hợp đồng với các đơn vị cung cấp dịch vụ;

đ) Bùn thải từ bể phốt, hầm cầu được quản lý theo quy định về quản lý chất thải rắn công nghiệp thông thường tại các Điều 81, 82 Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản pháp luật hướng dẫn về quản lý chất thải rắn công nghiệp thông thường.

2. Quản lý bùn thải từ hệ thống thoát nước:

a) Bùn thải được thu gom, lưu giữ và vận chuyển đến cơ sở xử lý được đầu tư xây dựng theo quy hoạch xây dựng được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc công trình khác để tái sử dụng;

b) Trường hợp bùn thải có yếu tố nguy hại vượt ngưỡng chất thải nguy hại phải được quản lý theo quy định tại các Điều 83, 84, 85 của Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản pháp luật hướng dẫn về quản lý chất thải nguy hại;

c) Nội dung quản lý bùn thải từ hệ thống thoát nước được thực hiện theo quy định tại Điều 2 Thông tư số 04/2015/TT-BXD ngày 03 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2014 của Chính phủ quy định về thoát nước và xử lý nước thải.

3. Nghiêm cấm xả thẳng bùn thải vào hệ thống thoát nước, kênh rạch, ao hồ, môi trường xung quanh.

4. Đơn vị thực hiện thu gom, vận chuyển phải đảm bảo trang bị đầy đủ các phương tiện, trang thiết bị chuyên dụng được phép lưu hành, chứng nhận kiểm định đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo quy định; không gây rò rỉ, phát tán bùn, mùi ra môi trường; có biện pháp xử lý sự cố trong quá trình thu gom, vận chuyển.

5. Việc chuyển giao bùn thải từ chủ nguồn thải hoặc từ đơn vị dịch vụ thu gom, vận chuyển cho đơn vị xử lý phải được lập biên bản bàn giao, mỗi bên giữ một bản; phải phù hợp quy định về quản lý chất thải và quy định khác liên quan.

6. Cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý bùn thải từ bể tự hoại, hầm cầu, bùn từ hệ thống thoát nước phải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường Luật Bảo vệ môi trường và các quy định liên quan.

7. Khuyến khích xử lý bùn thải từ bể tự hoại, hầm cầu, bùn từ hệ thống thoát nước theo công nghệ tái chế thành các sản phẩm thân thiện môi trường, tái sử dụng làm nguyên liệu sản xuất.

Điều 17. Quản lý rác thải nhựa

Việc quản lý chất thải nhựa thực hiện theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2, Khoản 3, Khoản 4 và Khoản 5 Điều 73 Luật Bảo vệ môi trường; Điều 64 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và các quy định sau đây:

1. Hạn chế sử dụng băng rôn, khẩu hiệu, chai, cốc, ống hút, bát, đĩa nhựa dùng một lần tại công sở và trong các hội nghị, hội thảo, cuộc họp và ngày lễ, lễ kỷ niệm và các sự kiện khác; ưu tiên chọn các sản phẩm tái chế, thân thiện với môi trường.

2. Chủ các trung tâm thương mại, siêu thị, khách sạn, khu du lịch xây dựng kế hoạch hạn chế sử dụng và tiến tới lộ trình kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026, không lưu hành và sử dụng sản phẩm nhựa dùng một lần, bao bì nhựa khó phân hủy sinh học, trừ sản phẩm, hàng hóa có bao bì nhựa khó phân hủy sinh học.

3. Các hộ gia đình, các cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ thực hiện việc phân loại chất thải nhựa tại nguồn để tái sử dụng, tái chế phục vụ sản xuất hàng hóa, vật liệu xây dựng, công trình giao thông; trường hợp không thể tái chế, chất thải nhựa phải được chuyển giao cho cơ sở có chức năng theo quy định. Khuyến khích các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình thực hiện quy định tại khoản 2 Điều này trước ngày 01 tháng 01 năm 2026.

Điều 18. Quy định khu vực, địa điểm đổ thải, nhận chìm đối với vật chất nạo vét từ hệ thống giao thông đường thủy nội địa và đường biển

1. Khu vực, địa điểm đổ thải, nhận chìm đối với vật chất nạo vét từ hệ thống giao thông đường biển thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh theo Quyết định phê duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Đối với các vật chất nạo vét từ hệ thống giao thông đường thủy nội địa do cơ quan trung ương quản lý (đoạn chày qua địa phận tỉnh Quảng Trị) thì thực hiện theo dự án do cơ quan trung ương phê duyệt và các yêu cầu bảo vệ môi trường theo báo cáo đánh giá tác động môi trường, giấy phép môi trường của dự án do Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành.

3. Đối với các vật chất nạo vét từ hệ thống giao thông đường thủy nội địa do tỉnh Quảng Trị quản lý thì thực hiện theo các yêu cầu về bảo vệ môi trường, giấy phép môi trường do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành. Các yêu cầu chung về khu vực, địa điểm đổ thải khi xem xét thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, cấp giấy phép môi trường thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc cấp giấy phép môi trường thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện như sau:

- a) Phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và các quy hoạch khác của địa phương;
- b) Đảm bảo khoảng cách an toàn môi trường theo quy định;
- c) Có điều kiện địa chất, thủy văn phù hợp; không nằm trong khu vực thường xuyên bị ngập sâu trong nước; không nằm ở vị trí đầu nguồn nước;
- d) Có vị trí thuận lợi để đảm bảo việc thu gom vật chất từ hoạt động nạo vét đường thủy nội địa.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 19. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện và UBND cấp xã

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường:

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện Quy định này;

b) Tổ chức thanh tra, kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải trên địa bàn tỉnh;

c) Phối hợp với Sở Tài chính tham gia đánh giá năng lực thực hiện các hợp đồng đấu thầu, đặt hàng của các đơn vị thực hiện;

d) Báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Nông nghiệp và Môi trường kết quả công tác quản lý chất thải trên địa bàn tỉnh được tích hợp trong báo cáo công tác bảo vệ môi trường cấp tỉnh theo quy định tại Điều 63 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

2. Sở Xây dựng:

a) Tổ chức lập, thẩm định, trình duyệt các nhiệm vụ và đồ án quy hoạch theo phân cấp; tham gia ý kiến thống nhất bằng văn bản trước khi phê duyệt đối với nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp huyện;

b) Thẩm định, cấp giấy phép xây dựng theo phân cấp; tham gia ý kiến khi được đề nghị phối hợp trong việc thẩm định dự án đầu tư xây dựng hạ tầng cơ sở xử lý chất thải;

c) Thanh tra, kiểm tra theo thẩm quyền việc thực hiện quy định pháp luật về xây dựng đối với các dự án đầu tư xây dựng hạ tầng cơ sở xử lý chất thải;

d) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường và các cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tổ chức kiểm tra, xử lý vi phạm đối với hoạt động vận chuyển, phương tiện vận chuyển chất thải theo thẩm quyền;

e) Phối hợp với các Sở, ban, ngành hướng dẫn các tổ chức, cá nhân có liên quan quản lý chất thải phát sinh trong quá trình xây dựng các công trình giao thông trên địa bàn tỉnh theo quy định;

f) Thực hiện nội dung khác thuộc chức năng nhiệm vụ được giao theo quy định của pháp luật.

3. Sở Tài chính

a) Phối hợp với các Sở, ngành, địa phương, tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh nghiên cứu, xây dựng chương trình, định hướng xúc tiến, thu hút đầu tư của tỉnh, trong đó có nội dung thu hút đối với các dự án trong lĩnh vực xây dựng cơ sở xử lý chất thải trên địa bàn tỉnh;

b) Thẩm định và trình Ủy ban nhân dân tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư các dự án đầu tư xây dựng cơ sở xử lý chất thải trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật về đầu tư; tham gia đánh giá năng lực thực hiện các hợp đồng đấu thầu, đặt hàng của các đơn vị thực hiện;

c) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện cơ chế hỗ trợ đầu tư trên địa bàn tỉnh, trong đó có các dự án đầu tư xây dựng cơ sở xử lý chất thải theo quy định của pháp luật;

d) Thực hiện nội dung khác thuộc chức năng nhiệm vụ được giao theo quy định của pháp luật.

4. Sở Khoa học và Công nghệ:

a) Ưu tiên triển khai các nhiệm vụ khoa học và công nghệ trong lĩnh vực xử lý chất thải phù hợp với định hướng, quy hoạch của tỉnh; hỗ trợ chuyển giao, đổi mới công nghệ trong lĩnh vực xử lý chất thải phù hợp với các Chương trình, Kế hoạch của ngành;

b) Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban ngành liên quan thẩm định công nghệ các dự án đầu tư xây dựng cơ sở xử lý chất thải theo quy định của Luật chuyển giao công nghệ và các quy định của pháp luật khác liên quan;

c) Thực hiện nội dung khác thuộc chức năng nhiệm vụ được giao theo quy định của pháp luật.

5. Công an tỉnh:

a) Chỉ đạo các phòng nghiệp vụ, công an cấp xã thường xuyên kiểm tra, phát hiện các tổ chức, cá nhân vi phạm trong công tác quản lý chất trên địa bàn tỉnh để xử lý theo quy định của pháp luật;

b) Phối hợp với các sở, ban ngành có liên quan trong quá trình thanh tra, kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm pháp luật trong quản lý chất thải trên địa bàn tỉnh;

c) Thực hiện nội dung khác thuộc chức năng nhiệm vụ được giao theo quy định của pháp luật.

6. Ủy ban nhân dân cấp huyện:

a) Tổ chức, giám sát hoạt động thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải trên địa bàn. Trong trường hợp phát hiện những vi phạm về quản lý chất thải thì xử lý theo thẩm quyền hoặc thông báo cho cơ quan có thẩm quyền để xử lý theo quy định của pháp luật;

b) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan trong việc thanh tra, kiểm tra công tác tuân thủ các quy định bảo vệ môi trường trong hoạt động thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải trên địa bàn quản lý theo thẩm quyền;

c) Chỉ đạo Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn tăng cường công tác kiểm tra, giám sát để kịp thời phát hiện và xử lý các trường hợp vi phạm về quản lý chất thải;

d) Khuyến khích cộng đồng dân cư tham gia giám sát việc thực hiện các quy định quản lý chất thải trên địa bàn thông qua các biện pháp hỗ trợ cụ thể như: cung cấp số điện thoại đường dây nóng để phản ánh kịp thời các hành vi vi phạm; tổ chức tập huấn, hội thảo nhằm nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường và quản lý chất thải; thành lập các nhóm giám sát cộng đồng nhằm tăng cường hiệu quả giám sát và thực thi các quy định;

đ) Có trách nhiệm thành lập, kêu gọi đầu tư và quản lý các doanh nghiệp hoạt động thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải trên địa bàn;

e) Lập danh sách các công trình xây dựng (bao gồm công trình nhà ở riêng lẻ) sẽ phá dỡ, xây dựng do Ủy ban nhân dân cấp huyện cấp phép và các đơn vị thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn xây dựng trên địa bàn, thông báo công khai trên phương tiện thông tin đại chúng và trên trang thông tin điện tử của địa phương để các tổ chức, cá nhân liên quan biết và phối hợp trong công tác thu gom, vận chuyển, tái sử dụng, tái chế và xử lý chất thải rắn xây dựng;

f) Định kỳ hàng năm, thực hiện báo cáo công tác quản lý chất thải trên địa bàn tỉnh được tích hợp trong báo cáo công tác bảo vệ môi trường theo quy định Điều 118 Luật Bảo vệ môi trường, Điều 63 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, gửi về Sở Nông nghiệp và Môi trường trước ngày 31 tháng 01 của năm tiếp theo hoặc báo cáo đột xuất theo yêu cầu.

7. Ủy ban nhân dân cấp xã:

a) Thường xuyên tổ chức tuyên truyền rộng rãi các quy định về chất thải nói chung, chất thải rắn xây dựng nói riêng trên địa bàn theo quy định;

b) Phối hợp với các tổ chức chính trị - xã hội, cộng đồng dân cư tổ chức giám sát quá trình thu gom, vận chuyển chất thải nói chung, chất thải rắn xây dựng nói riêng trên địa bàn quản lý. Trong trường hợp phát hiện những vi phạm về quản lý chất thải thì xử lý theo thẩm quyền hoặc thông báo cho cơ quan có thẩm quyền để xử lý theo quy định của pháp luật;

c) Định kỳ 03 tháng, lập danh sách các công trình phá dỡ, xây dựng trên địa bàn gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện tổng hợp;

d) Định kỳ hàng năm, thực hiện báo cáo công tác quản lý chất thải (bao gồm cả chất thải rắn xây dựng) trên địa bàn (kỳ báo cáo tính từ ngày 01 tháng 01 đến hết 31 tháng 12), gửi báo cáo về Ủy ban nhân dân cấp huyện trước ngày 20 tháng 01 của năm tiếp theo hoặc báo cáo đột xuất theo yêu cầu;

Điều 20. Điều khoản thi hành

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, cơ quan, đơn vị liên quan triển khai thực hiện Quy định này.

2. Các Sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức triển khai thực hiện Quy định này và chịu trách nhiệm giám sát, kiểm tra việc thực hiện.

3. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc phát sinh, các đơn vị phản ánh kịp thời về Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

4. Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật viện dẫn tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ bằng văn bản quy phạm pháp luật mới thì áp dụng quy định tại văn bản quy phạm pháp luật mới; Sở Nông nghiệp và Môi trường tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh nội dung Quy định này đảm bảo phù hợp với quy định mới và phù hợp với điều kiện của tỉnh nếu cần thiết./.